

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn		Ngoại ngữ		Thể dục		GD QP-AN	XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				1T	1T	1T	1T	15'	1T	1T	15'	1T	M	15'	15'					
1	Nguyễn Đình Thế	Anh		4.3	4.3	2	5.3	9	4	5.5	7	6		CĐ		Y			49.5	T
2	Võ Viết	Bảo		6.5	4	3.8	5.8	9	4	6	7	4.5		CĐ		Y			50	T
3	Nguyễn Minh	Chiến		5.5	6.3	6.3	7.3	9	4	5.3	7	5		CĐ		Y			50	T
4	Nguyễn Huỳnh Công	Chính		1.8	3.3	5.8	6.3	9	2	4.8	7	4.8		Đ		Kem	2	0	48.5	T
5	Nguyễn Đặng Thuý	Dung	X	4.5	4.5	5.8	6.8	9	5	6.3	7	6.5		CĐ		Y			50	T
6	Hoàng Văn	Đạt		6	7	5.8	6.3	9	4	4.8	7	3.8		CĐ		Y			50	T
7	Nguyễn Trọng	Đức		5	5.3	4.3	3	9	4	6.8	8	5		CĐ		Y			50	T
8	Trương Huỳnh	Đức		4.3	3.3	4.8	6.5	9	6	5.5	8	5.3		Đ		Y			49.5	T
9	Nguyễn Trần Quang	Gôn		7.8	6.3	6	6	9	6	4.3	8	4.5		Đ		K			50	T
10	Nguyễn Thanh	Hà		4.3	5.8	6.5	6.3	9	2	2.8	7	2.8		CĐ		Y			50	T
11	Đỗ Thuý	Hằng	X	3.5	6	6.8	6.5	9	5	7.8	8	5.5		Đ		TB			50	T
12	Phan Lê Thu	Hiền	X	4.3	5.5	6	6.3	9	6	6.3	7	4.8		Đ		TB			49.5	T
13	Nguyễn Trần Phúc	Khang		5.5	6	3.5	6.8	9	4	2.3	7	1.5		CĐ		Y			50	T
14	Võ Đăng	Khoa		4.5	4.3	5	6.3	9	4	5	7	3.3		Đ		Y			50	T
15	Lê Mỹ	Linh	X	2	4.5	4	7.8	9	4	6	8	7.3		Đ		Y			49.5	T
16	Cao Hoàng	Long		6	6	6	7.5	9	7	3.3	8	5.8		CĐ		Y			50	T
17	Phan Hữu	Minh		3	5	2	4.3	9	4	6.5	8	3		CĐ		Y			50	T
18	Nguyễn Xuân	Nam		5.3	5.8	3.8	7.8	9	4	7.5	7	3.5		CĐ		Y			50	T
19	Đào Kim	Ngân	X	6.5	8	8	8	9	4	5	7	7.5		Đ		TB			48.5	T
20	Võ Phương	Nguyên	X	6.3	6	4.5	4.8	9	5	4.5	8	2		Đ		TB			50	T
21	Phạm Văn Trí	Nhân		6.3	4.3	4	6.3	9	6	2.5	7	4.3		CĐ		Y			50	T
22	Khuất Ánh Thảo	Nhi	X	5.5	7.5	5.8	7.8	9	3	7	8	8		Đ		TB	1	0	50	T
23	Phan Thị Ý	Nhi	X	5	5.8	4	6.3	9	5	6	8	2.8		CĐ		Y			50	T
24	Ông Phạm Thanh	Như									7								50	T
25	Hoàng Kiều	Oanh	X	5	6.5	6	8.5	9	7	6.3	8	4.5		CĐ		TB			50	T
26	Nguyễn Thanh	Phong		3.3	3.8	4.8	6	9	5	4	7	3.8		CĐ		Y			50	T
27	Đào Thị Kim	Phượng	X	4	7	3.5	7.8	9	3	5	8	3.8		Đ		Y			49.5	T
28	Trần Đăng	Quang		5	5.5	1.8	6	9	5	5.8	8	2.8		CĐ		Kem			50	T
29	Đoàn Văn	Quốc		6.3	8	5.5	5.5	9	6	5.3	8	5		Đ		TB			49.5	T

30	Nguyễn Phạm Thanh	Tâm	X	4	5.3	4.3	7.3	9	3	6.3	7	5		CĐ		Y			50	T
31	Hồ Việt	Thại		5	5.5	4.8	6.8	9	6	5.3	7	6.3		Đ		TB			50	T
32	Huỳnh Quốc	Thanh		5.8	5.8	6.3	6.3	9	4	6.8	8	5.5		Đ		TB			50	T
33	Phan Hoàng	Thanh		5.8	5.3	5.3	6	9	5	5.8	7	4.3		Đ		TB			50	T
34	Võ Minh	Thành		5.8	5.8	5.3	9.3	9	7	7.3	8	7.3		Đ		K			50	T
35	Lê Văn	Thánh		6.3	5	5	5.5	9	4	5	7	4.3		CĐ		Y	1	0	48	T
36	Lê Thị Thu	Thảo	X	1.5	2.5	2.5	4	9	5	5.5	8	2.5		CĐ		Kem			50	T
37	Lưu Ngọc Phương	Thảo	X	6	7.5	7.3	8	9	4	6.3	8	5.3		Đ		TB			50	T
38	Nguyễn Đồng Nguyên	Thảo	X	4	4.8	5.3	5	9	7	6	7	7		CĐ		Y			50	T
39	Nguyễn Quốc	Toàn		2.5	4	3.3	5	9	4	6	7	2.8		Đ		Y			50	T
40	Tiêu Ái	Trình	X								8								50	T
41	Phạm Quốc	Trung		5.5	7.8	2.8	7.3	9	6	5.8	7	3		Đ		Y			50	T
42	Nguyễn Quốc	Trường		6.3	7.8	4.5	7	9	4	7.5	7	4.8		CĐ		Y			49.5	T
43	Hồ Thanh	Tuấn		2.5	5.5	2.5	2.5	9	2	4	7	2.8		CĐ		Y			49.5	T
44	Vương Ngọc Phương	Vi	X	4	8.3	6.3	8.3	9	6	6.5	8	6.3		Đ		TB			50	T
45	Dương Thị Hồng	Hạnh	X	2.5	5	2.8	6.5	9	6	5	7	4.3	Đ	Đ	9	Y			50	T
46	Bùi Thị Thùy	Ninh	X	5.3	6.5	5.8	7	9	4	7	7	6.3	Đ	Đ	9	TB			50	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

